

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Căn cứ vào Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ vào các Điều: 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

-Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

-Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 654/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung khi ly hôn*”, giữa người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1- Ông Trần N, sinh năm 1978; địa chỉ: H, xã H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2- Bà Lê Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: L, xã H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông Trần N và bà Lê Thị T đoàn tụ với nhau nhưng không đồng ý đoàn tụ mà đều muốn ly hôn và yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn nên hòa giải đoàn tụ không thành.

[2] Xét về con chung, tài sản chung, nợ chung thì thấy rằng: Ông Trần N và bà Lê Thị T đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về nuôi con chung sau khi ly hôn; không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung; không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về hôn nhân: Ông Trần N và bà Lê Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn.

-Về con chung: Ông Trần N và bà Lê Thị T có 02 con chung là: Trần V, sinh ngày 04-8-2007 và Trần V, sinh ngày 01-5-2012.

Theo nguyện vọng của con, giao cho bà Lê Thị T được trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con đến khi thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông N tự nguyện cấp dưỡng hằng tháng cho 02 con, mỗi tháng 4.000.000 đồng (01 con là: 2.000.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng cho con từ tháng 12 năm 2021 đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Ông Trần N và bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung; không có nợ chung.

2. Lệ phí Tòa án: Ông Trần N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí Tòa án là: 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo Biên lai số: 0001025 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP. P;
- THADS TP. P;
- UBND xã H, TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Văn Thường